

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017
TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ - TNHH MTV
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| 1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 5 |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | 6 - 7 |
| 3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 8 - 10 |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 | 11 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017 | 12 - 13 |
| 6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017 | 14 - 59 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2017 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên (sau đây viết tắt là "**Tổng Công ty**") là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi sang Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 04/06/2010 của UBND Tỉnh Bình Dương;

Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, Mã số doanh nghiệp 3700146458, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 11 năm 2015.

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương

Vốn điều lệ : 1.717.144.000.000 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có :

* Trụ sở chính

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : thalexim@hcm.vnn.vn
- Mã số thuế : 3 7 0 0 1 4 6 4 5 8

* Hệ thống các Đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong niên độ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2017 Tổng Công ty đã thực hiện việc chuyển đổi doanh nghiệp từ hình thức Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty Cổ phần. Tổng Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018 với tên giao dịch mới là **Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP**.

- Niên độ kế toán này kết thúc vào ngày 31/12/2017 là niên độ kế toán cuối cùng của Tổng Công ty theo hình thức Công ty TNHH một thành viên.
- Tại thời điểm lập báo cáo này, Tổng Công ty đã chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần. Do vậy, con dấu được sử dụng để phê duyệt các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty là **Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP**.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng thành viên

- | | | | |
|----|-----|---------------------|------------------------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Chủ tịch Hội đồng thành viên |
| 2. | Ông | Huỳnh Xuân Phương | Thành viên |
| 3. | Ông | Trần Đình Giáp | Thành viên |
| 4. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên |
| 5. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Thành viên |

Kiểm soát viên

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|----|-----|--------------------|--|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty |
| 2. | Ông | Huỳnh Xuân Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông | Trần Đình Giáp | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Phó Tổng Giám Đốc |
| 5. | Ông | Đặng Văn Đoàn | Phó Tổng Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH Một thành viên được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 08 đến trang 59.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 sẽ được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2017 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho niên độ kế toán 2017 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Đoàn Minh Quang

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 3 năm 2018

Số: 55/2018/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2017 kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2018, từ trang 08 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Các vấn đề ảnh hưởng ý kiến của Kiểm toán viên

- Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2017 của Tổng Công ty chưa ghi nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty.
- Tổng Công ty chưa thực hiện các thủ tục xử lý tài chính và chuẩn bị bàn giao cho Công ty Cổ phần theo hướng dẫn tại Điều 5, Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 hướng dẫn xử lý tài chính khi cổ phần hóa của Bộ Tài chính.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính từ các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Phụ trách Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0486-2018-124-1*

Kiểm toán viên – Lê Hồng Long

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0786-2018-124-1*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 7.018.326.808.475 | 3.856.483.076.211 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 2.700.421.729.593 | 922.654.672.328 |
| 111 | 1. Tiền | | 2.239.421.729.593 | 194.654.672.328 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 461.000.000.000 | 728.000.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 410.000.000.000 | - |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | V.2 | 410.000.000.000 | - |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 1.808.537.819.046 | 1.588.584.810.539 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.3 | 1.106.283.291.393 | 836.055.005.854 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | V.4 | 152.366.268.234 | 486.451.723.348 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | V.5 | 419.000.000.000 | - |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | V.6 | 130.888.259.419 | 267.141.747.537 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | V.7 | - | (1.063.666.200) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | V.8 | 2.008.076.226.163 | 1.340.346.703.219 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 2.008.076.226.163 | 1.340.346.703.219 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 91.291.033.673 | 4.896.890.125 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | V.9 | 1.715.119.301 | 1.902.608.022 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | V.10 | 54.895.996.030 | 523.019.893 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | V.11 | 34.679.918.342 | 2.471.262.210 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 2.226.686.101.923 | 2.231.579.012.914 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 155.820.000.170 | 179.068.802.841 |
| 211 | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | V.12 | 121.204.625.430 | 144.453.428.101 |
| 212 | 2. Trả trước cho người bán dài hạn | V.13 | 14.135.374.740 | 14.135.374.740 |
| 216 | 3. Phải thu dài hạn khác | V.14 | 20.480.000.000 | 20.480.000.000 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 562.327.943.302 | 607.216.741.079 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.15 | 437.472.861.676 | 478.118.016.345 |
| 222 | - Nguyên giá | | 843.978.421.251 | 851.573.405.233 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (406.505.559.575) | (373.455.388.888) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | V.16 | 124.855.081.626 | 129.098.724.734 |
| 228 | - Nguyên giá | | 190.875.166.657 | 190.875.166.657 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (66.020.085.031) | (61.776.441.923) |

TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ - TNHH MTV

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | V.17 | 233.680.215.265 | 167.253.878.976 |
| 231 | - Nguyên giá | | 264.479.054.505 | 189.947.395.401 |
| 232 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (30.798.839.240) | (22.693.516.425) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 833.051.630.446 | 610.253.345.087 |
| 241 | 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | V.18 | 7.487.800.193 | 7.406.066.393 |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | V.19 | 825.563.830.253 | 602.847.278.694 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | 431.445.904.429 | 655.497.898.185 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | V.20 | 165.497.898.185 | 165.497.898.185 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | V.21 | 250.000.000.000 | 490.000.000.000 |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | V.22 | 15.948.006.244 | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 10.360.408.311 | 12.288.346.746 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.23 | 10.360.408.311 | 11.949.942.909 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | V.24 | - | 338.403.837 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 9.245.012.910.398 | 6.088.062.089.125 |



TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ - TNHH MTV

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 7.291.129.613.451 | 4.155.709.707.234 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 6.670.544.425.802 | 3.432.418.118.968 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.25 | 1.164.491.586.491 | 1.048.558.207.793 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | V.26 | 13.710.578.473 | 2.309.404.206 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.27 | 138.155.084.893 | 169.259.864.324 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | V.28 | 12.266.364.118 | 8.768.848.176 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.29 | 9.504.463.060 | 19.509.477.973 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | V.30 | - | 264.000.000 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | V.31 | 1.758.934.995.602 | 851.506.255 |
| 320 | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.32 | 3.390.364.639.212 | 2.067.071.118.910 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | V.33 | 23.648.162.727 | 30.562.111.485 |
| 323 | 10. Quỹ bình ổn giá | V.34 | 159.468.551.226 | 85.263.579.846 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 620.585.187.649 | 723.291.588.266 |
| 332 | 1. Người mua trả tiền trước dài hạn | V.35 | - | 33.840.383.727 |
| 336 | 2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | V.36 | 411.550.098.649 | 403.084.873.219 |
| 337 | 3. Phải trả dài hạn khác | V.37 | 76.600.589.000 | 75.147.831.320 |
| 338 | 4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | V.38 | 132.434.500.000 | 211.218.500.000 |
| 400 | D VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.953.883.296.947 | 1.932.352.381.891 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.39 | 1.953.883.296.947 | 1.932.352.381.891 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | V.39.1 | 1.717.144.000.000 | 1.701.266.591.663 |
| 417 | 2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | V.39.2 | - | - |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | V.39.3 | 35.470.057.291 | 29.816.550.572 |
| 419 | 4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | V.39.4 | 201.269.239.656 | 201.269.239.656 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối | V.39.5 | - | - |
| 430 | II. Nguồn kinh phí | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 9.245.012.910.398 | 6.088.062.089.125 |

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Hà Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Phạm Thị Băng Trang

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

ĐVT: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.40 | 7.825.339.732.580 | 6.681.524.056.450 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.40 | 7.825.339.732.580 | 6.681.524.056.450 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.41 | 7.503.782.390.424 | 6.394.766.937.181 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 321.557.342.156 | 286.757.119.269 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.42 | 138.737.980.490 | 180.951.611.416 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.43 | 109.032.871.803 | 96.327.613.086 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 103.579.651.452 | 83.921.148.463 |
| 24 | 8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết | | - | - |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | VI.44 | 210.460.218.160 | 229.779.758.424 |
| 26 | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.45 | 56.354.571.757 | 52.057.842.918 |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 84.447.660.926 | 89.543.516.257 |
| 31 | 12. Thu nhập khác | VI.46 | 1.690.394.720 | 4.980.714.961 |
| 32 | 13. Chi phí khác | VI.47 | 713.385.360 | 6.001.978.486 |
| 40 | 14. Lợi nhuận khác | | 977.009.360 | (1.021.263.525) |
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 85.424.670.286 | 88.522.252.732 |
| 51 | 16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành | VI.48 | 13.316.549.595 | 4.329.732.234 |
| 52 | 17. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | VI.49 | 338.403.837 | (338.403.837) |
| 60 | 18. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp | | 71.769.716.854 | 84.530.924.335 |

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Hà Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Phạm Thị Băng Trang

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

ĐVT: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|--------------------------|------------------------|
| | I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 01 | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | | 9.905.133.732.767 | 8.647.320.160.330 |
| 02 | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | | (8.632.699.616.313) | (6.886.613.226.720) |
| 03 | 3. Tiền chi trả cho người lao động | | (59.059.373.184) | (54.249.960.666) |
| 04 | 4. Tiền lãi vay đã trả | | (106.401.578.673) | (84.199.672.623) |
| 05 | 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (691.198.554) | (22.919.490.991) |
| 06 | 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 2.656.305.338.923 | 1.275.149.301.175 |
| 07 | 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (2.386.354.525.315) | (2.570.967.982.219) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 1.376.232.779.651 | 303.519.128.286 |
| | II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (147.088.977.054) | (171.840.110.073) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | - | 2.477.272.727 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (8.281.500.000.000) | - |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 7.452.500.000.000 | 335.000.000.000 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | 348.645.640.000 |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 181.189.536.477 | 136.964.544.416 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (794.899.440.577) | 651.247.347.070 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

ĐVT: VND

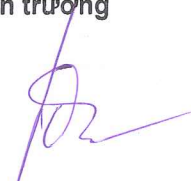
| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|--------------------------|----------------------------|
| | III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | - | - |
| 32 | 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | - | - |
| 33 | 3. Tiền thu từ đi vay | | 8.457.960.569.435 | 7.867.162.890.717 |
| 34 | 4. Tiền trả nợ gốc vay | | (7.208.163.628.367) | (9.173.976.838.706) |
| 35 | 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | - | - |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (53.363.138.026) | (16.311.411.261) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 1.196.433.803.042 | (1.323.125.359.250) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 1.777.767.142.116 | (368.358.883.894) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | V.1 | 922.654.672.328 | 1.291.013.303.525 |
| 61 | - Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (84.851) | 252.697 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | V.1 | 2.700.421.729.593 | 922.654.672.328 |

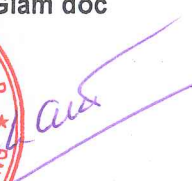
Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khánh Hà

Phạm Thị Băng Trang

Đoàn Minh Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2017 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH Một thành viên (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một Thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh Xăng dầu; Mua bán nguyên liệu, nhiên liệu Xăng dầu; Gia công chế biến Xăng dầu;
- Mua bán phân bón, vật tư nông nghiệp (thuốc trừ sâu), hóa chất cơ bản, sản phẩm hóa chất, bao bì; Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán thiết bị phụ tùng, sản phẩm điện, điện tử và hàng tiêu dùng; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, sơn mài, gỗ chạm, gốm sứ; thủy tinh, thảm len, sản phẩm da, giả da, cao su, hàng gỗ gia dụng, hàng thủ công mỹ nghệ khác; Mua bán phương tiện vận tải, thiết bị cơ khí dân dụng, thiết bị vật tư ngành in; Mua bán nông, lâm sản chế biến: hạt điều, cà phê, tiêu, đậu, cao su, lương thực, thực phẩm; Mua bán dược liệu; hàng may mặc, dệt, nhuộm;
- Tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình dân dụng, công cộng, giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; Thi công các công trình công cộng, giao thông; Thi công hạ tầng kỹ thuật;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, nhà ở công nhân. Đầu tư kinh doanh khai thác chợ, siêu thị, trung tâm Thương mại, khu dịch vụ vui chơi giải trí;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, phòng họp, tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát;
- Kinh doanh kho ngoại quan; Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí;
- Sản xuất gia công giày dép các loại; Sản xuất gia công các sản phẩm may mặc;
- Sản xuất chế biến hàng nông, lâm, hải sản; Sản xuất bao bì; in ấn bao bì;



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

- Đầu tư, thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, Tổng công ty liên kết.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu trong năm là Kinh doanh Xăng dầu; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn.

Tổ chức hệ thống hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm Trụ sở chính; Các đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết sau đây:

- ❖ **Các đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc được hợp cộng vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty bao gồm:**

| Tên đơn vị kinh doanh | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh |
|---|--|--|
| 1. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM | Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM | Văn phòng Giao dịch và Cho thuê văn phòng |
| 2. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV tại TP Long Xuyên – An Giang | Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang. | Kinh doanh xăng dầu |
| 3. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV tại Tỉnh Bình Phước | Số 626, Quốc lộ 14, Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước. | Kinh doanh xăng dầu |
| 4. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV tại Tỉnh Thừa Thiên Huế | Thôn 1B, Xã Thủy Phù, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế. | Kinh doanh xăng dầu |
| 5. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV tại Tỉnh Đắk Lắk | Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, TP.Buôn Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk | Kinh doanh xăng dầu |
| 6. Công viên Văn hóa Thanh Lễ | 563-567 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương | Công viên vui chơi – Dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường,.. |
| 7. Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star | Số 37 Hùng Vương, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương | Dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn |
| 8. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ | Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương | Kho chứa xăng dầu |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

| Tên đơn vị kinh doanh | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh |
|--|--|---|
| 9. Tổng kho Xăng dầu VK 102 – Thanh Lễ | Ấp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM | Kho chứa xăng dầu |
| 10. Ban Quản lý KCN Bình Đường - Sóng Thần I | Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương | Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp |
| 11. Hệ thống 17 cửa hàng bán lẻ xăng dầu | Tỉnh Bình Dương | Kinh doanh xăng dầu |
| 12. Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn | Tỉnh Bình Dương | Kinh doanh Vật liệu xây dựng |

Tổng số lao động của Tổng Công ty đến ngày 31/12/2017 là 561 lao động.

- ❖ **Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết tại ngày 31/12/2017 (được trình bày theo giá gốc ở chỉ tiêu Đầu tư tài chính trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty) bao gồm:**

| Công ty con và Công ty liên doanh liên kết | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty |
|---|---|--------------------------------|
| 1. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ | Số 36/8 đường ĐT 743, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương | 56,84% |
| 2. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương | Tầng 3, Số 63 Đường Yersin, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương | 76,60% |
| 3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương | Tầng 3, Số 63 Đường Yersin, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương | 80,00% |
| 4. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương | Số 606 Đại Lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TX. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương | 100% |
| 5. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương | Khu phố 2, Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương | 65,02% |
| 6. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | Số 306, Đường ĐT 743, Khu phố Trung Thắng, Phường Bình Thắng, TX Dĩ An, Tỉnh Bình Dương | 25,00% |



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong niên độ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2017 Tổng Công ty đã thực hiện việc chuyển đổi doanh nghiệp từ hình thức Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty Cổ phần.

- Tổng Công ty đã nhận được Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty.
- Tổng Công ty đã tiến hành các thủ tục phát hành cổ phiếu ra công chúng thành công. Tổng Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018 với tên giao dịch mới là Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.
- Niên độ kế toán này kết thúc vào ngày 31/12/2017 là niên độ kế toán cuối cùng của Tổng Công ty theo hình thức Công ty TNHH một thành viên.
- Tại thời điểm lập báo cáo này, Tổng Công ty đã chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần. Do vậy, con dấu được sử dụng để phê duyệt các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty là Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.



Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì Công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc ghi sổ kế toán theo nguyên tắc sau:
 - + *Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;*
 - + *Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán*
 - + *Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;*
 - + *Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.*



Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động (tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập).

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quý và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

3482
GT
M T
TÁ
NH
IÁN
HÍ M
H C

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền hàng tháng và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.



Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

| <u>Nhóm Tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------------|---------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 50 |
| - Máy móc và thiết bị | 03 – 15 |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 20 |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 10 |
| - Tài sản cố định khác | 05 – 10 |

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn, QSDĐ lâu dài và Giấy phép xả nước thải được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSDĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

| <u>Nhóm Tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|----------------|
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | Không khấu hao |
| - Quyền sử dụng đất có thời hạn | 10 – 50 |
| - Giấy phép xả nước thải | 10 |

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.



Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

BSDĐT được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm Bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Bất động sản đầu tư</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | Không khấu hao |
| - Quyền sử dụng đất có thời hạn | 45 |
| - Nhà cửa vật kiến trúc | 50 |

9. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh



riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Tổng Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Tổng Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được hạch toán theo số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều niên độ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ (gọi là doanh thu nhận trước); các khoản doanh thu, thu nhập chưa thực hiện khác.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng thành viên hàng năm và phù hợp với các quy định hiện hành.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.



Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm; Hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế TNDN hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế TNDN sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | ĐVT: VND | |
|--|--------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | | |
| - Tiền mặt tại quỹ | 24.835.437.000 | 16.042.879.500 |
| - Tiền gửi ngân hàng [a] | 2.214.586.292.593 | 178.611.792.828 |
| - Các khoản tương đương tiền [b] | 461.000.000.000 | 728.000.000.000 |
| Cộng | 2.700.421.729.593 | 922.654.672.328 |

[a] Trong đó

* Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ cuối năm là USD 1,473.44.

* Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương liên quan đến việc phát hành cổ phiếu ra công chúng có giá trị là 1.695.027.560.547 Đồng đang giới hạn sử dụng.

[b] Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn **410.000.000.000** -

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | | |
|---|--------------------------|------------------------|
| - Công ty CP CK NH Công Thương VN - CN TP.HCM | 264.000.000.000 | - |
| - Công ty CP Xăng dầu và dịch vụ Hàng hải S.T.S | 255.526.683.342 | 1.616.592.288 |
| - Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương (*) | 186.389.217.376 | - |
| - Công ty TNHH Hải Linh | 170.132.785.901 | 147.509.015.409 |
| - Công ty CP Công nghiệp Đông Hưng | 29.613.912.725 | 219.238.912.763 |
| - Công ty TNHH Thương Mại Hồ Bửu | 27.867.710.000 | 31.559.294.800 |
| - Công ty TNHH TMDV TH Hoà Khánh | 20.882.888.966 | 12.410.977.642 |
| - Công ty CP NICOTEX Nam Thái Dương | 19.856.827.041 | 19.856.827.041 |
| - Công ty TNHH Một Thành Viên Phú Sang | 19.546.688.950 | 1.069.546.076 |
| - Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Phúc Thịnh | 16.856.914.500 | 84.529.022.300 |
| - Công ty TNHH Huy Hồng | 16.466.742.083 | 38.054.105.883 |
| - Công ty TNHH MTV Xăng Dầu TM và DV Minh Phát | 8.820.395.599 | - |
| - Công ty TNHH Xăng Dầu Huy Hoàng | 8.421.065.000 | 9.776.426.530 |
| - Công ty TNHH VT Thủy Bộ Bình Dương (*) | 4.757.991.297 | 2.371.292.910 |
| - DNTN Trạm Xăng dầu Hiệp Phát | 4.109.775.700 | 3.428.167.000 |
| - Công ty CP Sung Hyun Vina | 51.206.410 | 66.786.961.342 |
| - Công ty TNHH TM DV Hiệp Quế | - | 52.709.228.162 |
| - Công ty TNHH MTV Thương Mại Nghĩa Thắng II | - | 16.764.839.673 |
| - DNTN Trạm Xăng Dầu Nghĩa Thắng | - | 16.277.037.219 |
| - DNTN Trạm Xăng Dầu Phước Thành | - | 14.816.469.682 |
| - Công ty TNHH TM Dịch vụ Phan Tuấn | - | 14.756.843.048 |
| - Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác | 52.982.486.503 | 82.523.446.086 |
| Cộng | 1.106.283.291.393 | 836.055.005.854 |

(*) Khoản phải thu các bên liên quan

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | | |
|---|------------------------|------------------------|
| - Công ty CP Việt Hùng | 31.020.928.000 | - |
| - Nguyễn Thanh Sơn | 24.698.400.000 | 24.698.400.000 |
| - Công ty TNHH Toàn Lực | 19.321.300.000 | - |
| - Đỗ Thị Thu | 19.283.183.250 | 19.283.183.250 |
| - Công ty CP TM Tổng Hợp Thuận An | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| - Trần Hiếu | 7.077.342.000 | 7.077.342.000 |
| - Nguyễn Văn Thanh | 7.009.100.000 | 7.009.100.000 |
| - Công ty CP Miền Đông Nam Bộ | 5.148.000.000 | - |
| - Hợp tác Xã Vĩnh Hưng | 1.373.112.480 | 5.833.991.278 |
| - Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương (*) | - | 235.416.571.087 |
| - Nguyễn Mạnh Hùng (**) | - | 26.121.578.600 |
| - Lê Văn Nhỏ - Nguyễn Thị Cúc (**) | - | 18.141.000.000 |
| - Tổng Công ty ĐTPPT Nhà và Đô Thị (**) | - | 17.808.113.439 |
| - Ngô Hoàng Á (**) | - | 9.488.050.000 |
| - Quách Ngọc Anh (**) | - | 7.547.792.460 |
| - Trần Ngọc Cường (**) | - | 5.931.000.000 |
| - Trần Văn Lợi (**) | - | 5.555.874.000 |
| - Nguyễn Thị Huệ (**) | - | 5.534.090.000 |
| - Lê Thị Nura (**) | - | 5.128.114.800 |
| - Các khoản trả trước ngắn hạn khác | 27.434.902.504 | 75.877.522.434 |
| Cộng | 152.366.268.234 | 486.451.723.348 |

(*) Khoản trả trước cho các bên liên quan

(**) Các khoản trả trước liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các Khu dự án của Tổng Công ty được chuyển sang theo dõi tại khoản mục đầu tư khác.

5. Phải thu cho vay ngắn hạn**419.000.000.000**

Khoản tiền cho Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng Hưng Thịnh vay theo hợp đồng số 01/HĐVV/TL-HT ngày 04/12/2017. Thời hạn cho vay là 6 tháng. Lãi suất cho vay là 0,50%/tháng.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

6. Phải thu ngắn hạn khác

| | | |
|---|------------------------|------------------------|
| - Phải thu về cổ phần hóa | 2.423.435.132 | 9.329.648.693 |
| - Phải thu hao hụt xăng dầu | 1.651.597.257 | 1.400.670.045 |
| - Tạm ứng | 85.669.197.145 | 292.673.845 |
| - Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN - CN Hồ Chí Minh | 19.899.927.777 | 1.095.833.333 |
| - Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương (*) | 9.172.427.607 | 9.172.427.607 |
| - Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Bình Dương | 3.592.974.493 | - |
| - Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương (*) | 2.730.987.953 | 2.542.972.622 |
| - Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương (*) | 2.352.429.659 | 1.617.451.525 |
| - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương | 886.111.111 | 1.739.736.111 |
| - Công ty CP SXKD Thanh Lễ (*) | 345.285.000 | 115.095.000 |
| - Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (*) | 37.887.121 | 142.945.521.278 |
| - Công ty CP Xăng dầu và dịch vụ Hàng hải S.T.S | - | 53.407.535.547 |
| - Chi Cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng Sài Gòn KV3/Xăng dầu | - | 17.876.117.227 |
| - Chi Cục Hải Quan Cửa Khẩu Cảng Cái Mép - Vũng Tàu | - | 11.603.485.761 |
| - Phải thu khác | 2.125.999.164 | 14.002.578.943 |
| Cộng | 130.888.259.419 | 267.141.747.537 |

(*) Các khoản phải thu các bên có liên quan về tiền bán cổ phần, phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia.

7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------------------|
| | Nợ gốc | Dự phòng | Nợ gốc | Dự phòng |
| - Công ty TNHH Phúc Gia Khang | 540.000.000 | - | 540.000.000 | 540.000.000 |
| - Công ty TNHH Norco Tiles | 523.666.200 | - | 523.666.200 | 523.666.200 |
| Cộng | 1.063.666.200 | - | 1.063.666.200 | 1.063.666.200 |

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó thu hồi để chuẩn bị các thủ tục xử lý tài chính cho việc chuyển đổi doanh nghiệp.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| - Hàng mua đang đi đường | 42.052.520.000 | 54.445.663.586 |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 6.790.779.757 | 5.460.982.982 |
| - Công cụ, dụng cụ | 218.539.092 | 488.873.475 |
| - Thành phẩm Bất động sản | 569.877.750.499 | 650.185.473.037 |
| - Hàng hoá | 1.388.580.212.045 | 629.765.710.139 |
| - Hàng gửi bán | 556.424.770 | - |
| Cộng | 2.008.076.226.163 | 1.340.346.703.219 |

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

| Khoản mục | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| - Công cụ dụng cụ | 1.072.009.986 | 1.860.454.547 | 2.204.393.177 | 728.071.356 |
| - Chi phí sửa chữa, cải tạo | 830.598.036 | 1.413.342.384 | 1.256.892.475 | 987.047.945 |
| Cộng | 1.902.608.022 | 3.273.796.931 | 3.461.285.652 | 1.715.119.301 |

10. Thuế GTGT được khấu trừ 54.895.996.030 523.019.893

Khoản thuế GTGT còn được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ mua vào trong năm.

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| - Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | 1.554.010.635 | - |
| - Thuế Giá trị gia tăng đầu ra | 499.733.058 | - |
| - Thuế Tiêu thụ đặc biệt | 947.804.841 | - |
| - Thuế Xuất, nhập khẩu | 31.678.369.808 | - |
| - Thuế Thu nhập doanh nghiệp | - | 2.471.262.210 |
| Cộng | 34.679.918.342 | 2.471.262.210 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

12. Phải thu dài hạn của khách hàng

| | | |
|---|------------------------|------------------------|
| - Lê Hoài Nam | 5.050.000.000 | 5.050.000.000 |
| - Dương Triều Đại | 5.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| - Lê Minh Tùng | 5.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| - Trần Thị Kim Phương | 5.000.000.000 | - |
| - Phạm Mai Thùy Trang | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| - Bùi Thị Diệu Hằng | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| - Ngô Thị Hồng Thoa | 4.000.000.000 | - |
| - Lê Thị Thủy | 3.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| - Đồng Minh Tính | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 |
| - Nguyễn Thị Ngọc Thủy | 3.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| - Nguyễn Văn Dũng | 2.800.000.000 | 2.800.000.000 |
| - Phạm Thị Kim Thành | 2.650.000.000 | 3.450.000.000 |
| - Nguyễn Phi Công | 2.551.084.000 | 3.500.000.000 |
| - Phạm Mai Thanh Thảo | 2.500.000.000 | 2.500.000.000 |
| - Công ty CP Xăng dầu và dịch vụ Hàng hải S.T.S | 2.000.000.000 | 9.500.000.000 |
| - Lương Thanh Phúc | 1.961.355.000 | 1.961.355.000 |
| - Trương Thị Xuyên | 1.190.986.000 | 1.190.986.000 |
| - Bùi Văn Quyết | 1.041.945.000 | 1.596.590.000 |
| - Các khoản phải thu khách hàng dài hạn khác | 61.959.255.430 | 77.404.497.101 |
| Cộng | 121.204.625.430 | 144.453.428.101 |

13. Trả trước cho người bán dài hạn**14.135.374.740****14.135.374.740**

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

14. Phải thu dài hạn khác

| | | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Đặt cọc thuê mặt bằng làm trạm xăng dầu | 480.000.000 | 480.000.000 |
| - Đặt cọc để thực hiện dự án kho xăng dầu Cục Hậu cần Quân khu 7 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Cộng | 20.480.000.000 | 20.480.000.000 |



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

15. Tài sản cố định hữu hình

| Nhóm TS | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Tổng cộng |
|--|------------------------|-----------------------|---------------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------|
| Chi tiêu | | | | | | |
| Nguyên giá | | | | | | |
| - Số đầu năm | 644.450.379.690 | 91.527.533.506 | 108.966.628.668 | 5.640.895.369 | 987.968.000 | 851.573.405.233 |
| - Tăng trong năm | 4.439.733.066 | 8.669.764.931 | 804.295.400 | | | 13.913.793.397 |
| - Thanh lý, nhượng bán | 16.930.089.834 | 4.141.353.000 | 437.334.545 | | | 21.508.777.379 |
| - Số cuối năm | 631.960.022.922 | 96.055.945.437 | 109.333.589.523 | 5.640.895.369 | 987.968.000 | 843.978.421.251 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| - Số đầu năm | 285.698.116.377 | 39.872.038.829 | 44.020.436.199 | 2.930.630.483 | 934.167.000 | 373.455.388.888 |
| - Khấu hao trong năm | 35.718.976.350 | 7.043.077.762 | 7.047.067.657 | 532.383.992 | 26.004.000 | 50.367.509.761 |
| - Thanh lý, nhượng bán | 16.789.792.036 | 90.212.493 | 437.334.545 | - | | 17.317.339.074 |
| - Số cuối năm | 304.627.300.691 | 46.824.904.098 | 50.630.169.311 | 3.463.014.475 | 960.171.000 | 406.505.559.575 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| - Tại ngày đầu năm | 358.752.263.313 | 51.655.494.677 | 64.946.192.469 | 2.710.264.886 | 53.801.000 | 478.118.016.345 |
| - Tại ngày cuối năm | 327.332.722.231 | 49.231.041.339 | 58.703.420.212 | 2.177.880.894 | 27.797.000 | 437.472.861.676 |
| Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết còn sử dụng | | | | | | |
| - Tại ngày đầu năm | 167.095.614.130 | 26.395.833.979 | 17.424.458.606 | 1.338.430.936 | 782.948.000 | 213.037.285.651 |
| - Tại ngày cuối năm | 155.460.860.204 | 31.696.043.906 | 24.475.544.837 | 2.049.867.300 | 782.948.000 | 214.465.264.247 |

16. Tài sản cố định vô hình

| Nhóm TSCĐ | Quyền sử dụng đất lâu dài (a) | Quyền sử dụng đất có thời hạn | Giấy phép xả nước thải (b) | Tổng cộng |
|------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Chi tiêu | | | | |
| Nguyên giá | | | | |
| - Số đầu năm | 4.832.818.182 | 185.724.166.656 | 318.181.819 | 190.875.166.657 |
| - Tăng trong năm | | - | | - |
| - Số cuối năm | 4.832.818.182 | 185.724.166.656 | 318.181.819 | 190.875.166.657 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| - Số đầu năm | - | 61.704.851.018 | 71.590.905 | 61.776.441.923 |
| - Khấu hao trong năm | | 4.211.824.928 | 31.818.180 | 4.243.643.108 |
| - Số cuối năm | - | 65.916.675.946 | 103.409.085 | 66.020.085.031 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| - Tại ngày đầu năm | 4.832.818.182 | 124.019.315.638 | 246.590.914 | 129.098.724.734 |
| - Tại ngày cuối năm | 4.832.818.182 | 119.807.490.710 | 214.772.734 | 124.855.081.626 |

(a) Quyền sử dụng đất lâu dài tại Cửa hàng xăng dầu số 7.

(b) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 07 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

17. Bất động sản đầu tư

| Nhóm BĐSĐT | Quyền sử dụng đất lâu dài [a] | Quyền sử dụng đất có thời hạn [b] | Nhà cửa, vật kiến trúc [a] | Tổng cộng |
|----------------------------|--------------------------------------|--|-----------------------------------|------------------------|
| Chi tiêu | | | | |
| Nguyên giá | | | | |
| - Số đầu năm | 123.860.000.000 | 34.202.843.429 | 31.884.551.972 | 189.947.395.401 |
| - Tăng trong năm | - | 44.540.327.183 | 29.991.331.921 | 74.531.659.104 |
| - Số cuối năm | 123.860.000.000 | 78.743.170.612 | 61.875.883.893 | 264.479.054.505 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| - Số đầu năm | - | 6.817.344.241 | 15.876.172.184 | 22.693.516.425 |
| - Khấu hao trong năm | - | 6.551.800.399 | 1.553.522.416 | 8.105.322.815 |
| - Số cuối năm | - | 13.369.144.640 | 17.429.694.600 | 30.798.839.240 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| - Tại ngày đầu năm | 123.860.000.000 | 27.385.499.188 | 16.008.379.788 | 167.253.878.976 |
| - Tại ngày cuối năm | 123.860.000.000 | 65.374.025.972 | 44.446.189.293 | 233.680.215.265 |

[a] Quyền sử dụng đất lâu dài và Tòa nhà cao ốc văn phòng cho thuê tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

[b] Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên.

- Diện tích đất thuê tại ngày 31/12/2017 142.545,4 m²
- Thời hạn sử dụng đất 45 năm (đến ngày 24/10/2054)

02038
CÔNG
KIỂM
IẢN T
- CHI N
AI THÁ
TỔ CH
- TP

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

18. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| - Khu Dự án Nhà TM Phú Thọ | 854.992.448 | 849.179.522 |
| - Khu Dự án Nhà TM An Bình | 6.632.807.745 | 6.556.886.871 |
| Cộng | 7.487.800.193 | 7.406.066.393 |

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các công trình, dự án sau:

| Công trình | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| - Dự án Khu kho cảng An Sơn | 466.200.605.695 | 463.879.487.000 |
| - Dự án Kho xăng dầu VK102 | 127.698.287.520 | 74.127.624.304 |
| - Chuyển nhượng đất Khu Công viên | 107.709.622.860 | - |
| - Công trình Mỏ Đá | 58.966.545.014 | 46.238.709.332 |
| - Công trình Phụ | 26.845.858.382 | 8.984.192.036 |
| - Chuyển nhượng QSSĐ P. Bình Thắng Dĩ An | 18.503.820.000 | - |
| - Chuyển nhượng đất khu Chánh Mỹ | 17.808.113.439 | - |
| - Khu Công nghiệp Bình Đường | 945.540.525 | 945.540.525 |
| - Khu xử lý chất thải rắn Tân Mỹ | 885.436.818 | 885.436.818 |
| - Trung Tâm Đăng Kiểm Xe Cơ Giới | - | 7.688.670.217 |
| - Hệ thống Cửa hàng Xăng dầu | - | 80.868.462 |
| - Dự án Công viên mở rộng | - | 16.750.000 |
| Cộng | 825.563.830.253 | 602.847.278.694 |

32-003
Y TNHH
TOÁN
ÂM VII
HÀNH
NH PHÓ
MINH
CH

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

20. Đầu tư vào công ty con

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| - Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương | 69.498.360.000 | 69.498.360.000 |
| - Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương | 38.314.539.787 | 38.314.539.787 |
| - Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương | 24.000.000.000 | 24.000.000.000 |
| - Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ | 7.673.000.000 | 7.673.000.000 |
| - Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương | 26.011.998.398 | 26.011.998.398 |
| Cộng | <u>165.497.898.185</u> | <u>165.497.898.185</u> |

Vốn góp và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày kết thúc niên độ như sau:

| | <u>Vốn góp của Tổng Công ty</u> | <u>Vốn điều lệ</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty</u> |
|---|---------------------------------|--------------------|---------------------------------------|
| - Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương | 69.498.360.000 | 106.883.630.000 | 65,02% |
| - Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương | 38.314.539.787 | 50.020.539.787 | 76,60% |
| - Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương | 24.000.000.000 | 30.000.000.000 | 80,00% |
| - Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ | 7.673.000.000 | 13.500.000.000 | 56,84% |
| - Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương | 26.011.998.398 | 26.000.000.000 | 100,00% |
| Cộng | <u>165.497.898.185</u> | | |

21. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

250.000.000.000

490.000.000.000

Khoản đầu tư vào Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã bán ra ngoài 24.000.000 Cổ phiếu của Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương. Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty nắm giữ 25.000.000 Cổ phiếu, tương đương 250.000.000.000 Đồng, chiếm 25% Vốn điều lệ tại Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

22. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

15.948.006.244

-

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 61-05D.

23. Chi phí trả trước dài hạn

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|--|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| - Công cụ dụng cụ | 1.717.266.556 | - | 1.701.766.556 | 15.500.000 |
| - Phí giữ hộ xăng dầu từ năm 2012 đến năm 2018 [a] | 5.500.000.005 | - | 2.750.000.004 | 2.750.000.001 |
| - Tiền thuê đất Cửa hàng xăng dầu 24 (2.089,1 m ²) [b] | 3.953.880.422 | - | 268.059.685 | 3.685.820.737 |
| - Chi phí sửa chữa, cải tạo | 778.795.926 | 3.961.792.648 | 831.501.001 | 3.909.087.573 |
| Tổng cộng | 11.949.942.909 | 3.961.792.648 | 5.551.327.246 | 10.360.408.311 |

[a] Chi phí trả trước phí giữ hộ xăng dầu phải trả cho Kho xăng dầu VK 102, Cục Hậu Cần, Quân Khu 7 tại ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Điều 3 Hợp đồng tiếp nhận, giữ hộ và bơm rót xăng dầu số VK102.CHC.QK7-Thanh Lễ ngày 09 tháng 07 năm 2012 phí giữ hộ xăng dầu một năm là 2.000.000.000 đồng/năm (chưa gồm 10% thuế VAT) trong suốt thời gian 07 năm (từ năm 2012 đến hết năm 2018).

[b] Chi phí trả trước tiền thuê khu đất xây dựng trạm kinh doanh xăng dầu số 24. Theo hợp đồng nguyên tắc ngày 24 tháng 08 năm 2011 Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - TNHH MTV thuê lại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 4AB.7 tại Phường An Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Công đoàn Bình Dương trong thời hạn 20 năm, kể từ ngày bàn giao đất. Đơn giá thuê 20.000.000 đồng/tháng, tiền thuê đất cho 20 năm là 4.800.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).

24. Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại - 338.403.837

Trong năm 2017, Tổng Công ty hoàn nhập tài sản thuế TNDN tạm tính 1% trên tiền ứng trước theo tiến độ để mua căn hộ tại Cao ốc Bình Dương do đã hoàn thành việc chuyển giao căn hộ.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

25. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn | 641.521.672.944 | 233.257.481.788 |
| - Soleum Energy PTE LTD | 380.774.189.222 | - |
| - Petrolimex Singapore PTE LTD | 115.336.428.781 | 322.853.333.739 |
| - Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương | 14.626.764.854 | 2.458.172.691 |
| - Công Ty TNHH Địa Ốc Ngôi Nhà Thân Yêu | 3.912.449.184 | - |
| - Daemyung Crusher Co., Ltd | 2.258.490.353 | - |
| - Công Ty TNHH Cơ Khí Đặng Vũ | 1.575.500.000 | 1.575.500.000 |
| - InterChem Pte Ltd | | 114.669.968.918 |
| - Petrochina International (Singapore) Pte Ltd | | 100.237.574.237 |
| - Select Oil Pte Ltd | | 127.874.141.217 |
| - VietSea Company PTE. LTD. | | 135.676.639.339 |
| - Các khoản phải trả nhà cung cấp khác | 4.486.091.153 | 9.955.395.864 |
| Cộng | <u>1.164.491.586.491</u> | <u>1.048.558.207.793</u> |

26. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | | |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| - Bà Cheng Hsiu Min | 11.441.925.000 | - |
| - DNTN Trạm Kinh Doanh Xăng Dầu Phú An | 311.516.900 | 202.189.300 |
| - Công ty TNHH Thương Mại Thành Phát | 224.153.600 | 117.820.588 |
| - DNTN Tân Phong | 235.200.000 | 88.416.400 |
| - Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác | 1.497.782.973 | 1.900.977.918 |
| Cộng | <u>13.710.578.473</u> | <u>2.309.404.206</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Phải nộp trong năm | Thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|--|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| - Thuế Giá trị gia tăng | 17.548.736.884 | 84.373.756.309 | 102.422.226.251 | (499.733.058) |
| - Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | 27.949.675.674 | 359.757.799.074 | 389.261.485.383 | (1.554.010.635) |
| - Thuế Tiêu thụ đặc biệt | 13.209.560.308 | 136.761.226.123 | 150.918.591.272 | (947.804.841) |
| - Thuế Xuất, Nhập khẩu | 14.371.353.204 | 240.562.020.338 | 286.611.743.350 | (31.678.369.808) |
| - Thuế Thu nhập doanh nghiệp | (2.471.262.210) | 13.316.549.595 | 691.198.554 | 10.154.088.831 |
| - Thuế Thu nhập cá nhân | 376.904.988 | 1.089.103.875 | 630.043.159 | 835.965.704 |
| - Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất | - | 4.710.657.504 | 4.710.657.504 | - |
| - Thuế Bảo vệ môi trường | 42.440.495.240 | 940.706.223.645 | 890.038.747.715 | 93.107.971.170 |
| - Phí, lệ phí | - | 68.846.000 | 68.846.000 | - |
| - Lợi nhuận nộp ngân sách | 53.363.138.026 | 34.057.059.188 | 53.363.138.026 | 34.057.059.188 |
| Cộng | 166.788.602.114 | 1.815.403.241.651 | 1.878.716.677.214 | 103.475.166.551 |
| Trong đó: | | | | |
| - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 169.259.864.324 | | | 138.155.084.893 |
| - Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.11) | (2.471.262.210) | | | (34.679.918.342) |

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế: Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * Không chịu thuế : Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất
- * 5% : Nước sinh hoạt
- * 10% : Xăng, dầu, nhớt các loại; cho thuê văn phòng, nhà xưởng...

32-003
 CÔNG TY TNHH
 TOÁN
 ÁM VIỆC
 HÀNH
 NH PHỐ
 MINH
 CHỈ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 10% áp dụng cho mặt hàng Xăng Ron 92 nhập khẩu và pha chế Xăng E5 Ron 92.

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế Nhập khẩu xăng dầu theo các Thông tư sau:

- Thông tư 165/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014: quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015-2018.
- Thông tư số 201/2015/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018.

Tiền thuê đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------|----------------|---------------|
| 28. Phải trả người lao động | 12.266.364.118 | 8.768.848.176 |

Tiền lương và các khoản mang tính chất lương còn phải trả cho người lao động.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

29. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | | |
|------------------------|----------------------|-----------------------|
| - Chi phí lãi vay | 3.873.058.387 | 1.828.939.400 |
| - Phí môi giới | 413.364.184 | - |
| - Chi phí thi công (*) | 4.983.828.951 | 17.419.169.189 |
| - Chi phí ăn ca | 233.711.538 | 261.369.384 |
| - Chi phí khác | 500.000 | - |
| Cộng | 9.504.463.060 | 19.509.477.973 |

(*) Khoản trích theo hợp đồng kinh tế số 10/HTXVH-TL/TC2016 ngày 03/10/2016 tại Khu Đô thị Dịch vụ Thương mại Sóng Thần (Khu B), phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

30. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền thuê ngắn hạn nhận trước đối với hoạt động cho thuê hạ tầng Khu công nghiệp, cho thuê văn phòng:

| | | |
|------------------------------------|------------------|------------------|
| - Số đầu năm | 264.000.000 | - |
| - Tăng trong năm | 9.905.672.102 | 15.427.693.438 |
| - Doanh thu đã thực hiện trong năm | (10.169.672.102) | (15.163.693.438) |
| - Số cuối năm | - | 264.000.000 |

31. Phải trả ngắn hạn khác

| | | |
|---|--------------------------|--------------------|
| - Kinh phí công đoàn | 725.764.502 | 566.557.182 |
| - Phải trả về cổ phần hoá | 1.705.316.676.000 | - |
| - Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương | 1.377.880.800 | - |
| - Khoản phải trả liên quan Khu TMDV DC Định Hòa | 51.502.974.300 | - |
| - Ban Thi Đua Khen Thưởng Tỉnh Bình Dương | 11.700.000 | - |
| - Công an Tỉnh Bình Dương | - | 284.949.073 |
| Cộng | 1.758.934.995.602 | 851.506.255 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

32. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số đầu năm | Vay trong năm | Trả nợ vay trong năm | Phân loại nợ vay trong năm | Số cuối năm |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| 32.1 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Dương | 597.537.128.330 | 2.501.106.083.103 | 2.324.706.680.250 | - | 773.936.531.183 |
| 32.2 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Bình Dương | 628.005.402.612 | 3.476.695.698.743 | 2.817.697.897.387 | - | 1.287.003.203.968 |
| 32.3 Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam | 162.385.340.000 | 1.009.898.717.758 | 686.673.669.253 | - | 485.610.388.505 |
| 32.4 Malayan Banking Berhad | 66.274.977.557 | 365.618.216.502 | 232.034.614.562 | - | 199.858.579.497 |
| 32.5 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội | 105.521.544.831 | - | 105.521.544.831 | - | - |
| 32.6 Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam | 178.945.187.270 | 414.601.770.142 | 593.546.957.412 | - | - |
| 32.7 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 229.057.538.310 | 653.077.055.018 | 353.962.657.269 | - | 528.171.936.059 |
| 32.8 Vay dài hạn đến hạn trả | 99.344.000.000 | | 99.344.000.000 | 115.784.000.000 | 115.784.000.000 |
| Cộng | 2.067.071.118.910 | 8.420.997.541.266 | 7.213.488.020.964 | 115.784.000.000 | 3.390.364.639.212 |



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

32.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số 066K16; hợp đồng cho vay theo hạn mức số 079B16 ngày 20/10/2016; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/066K16 ngày 20/10/2017 và hợp đồng sửa đổi; bổ sung số 01/079B16 ngày 20/10/2017. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 20/01/2018. Các điều khoản cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng số 16.49.0168/2016-HĐTDHM/NHCT640-TCT THANH LE ngày 01/11/2016; Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 16.49.0168/2016-HĐTDHM-SDBS/03-NHCT640-TCT THANH LE ngày 01/12/2017 cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 1/11/2016 đến ngày 31/12/2017
- Thời hạn vay : Tối đa 05 tháng theo từng Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-2016- 00767 ngày 14/06/2016, cụ thể:

- Hạn mức vay : 700.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức là đến ngày 14/6/2019
- Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

32.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng Malayan Banking Berhad theo hợp đồng số HCMC/LO/THALEXIM/01.2017 ngày 06/02/2017 và MILB/BMT/KAR/SAF/EJ/VIETNAM-2016/96/2017-115 ngày 06/02/2017, cụ thể:

- Hạn mức vay : 11.000.000 USD hoặc VND tương đương
- Mục đích vay : Thư tín dụng L/C Nhập khẩu, mua các nguyên vật liệu thô/hàng hoá/thành phẩm liên quan đến hoạt động kinh doanh và Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC) để dự phòng biến động ngoại tệ
- Lãi suất : Lãi suất cho vay cơ bản + biên độ 1,25%/năm. Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC): Theo quy định của NHNN Việt Nam
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng số 19980.15.110.969666.TD ngày 18/09/2015 và Phụ lục hợp đồng cấp tín dụng số 19980.15.110.969666.TD.PL2 ngày 01/10/2016, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20,000,000.00 USD hoặc VND tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Phụ lục hợp đồng gia hạn cho đến ngày 30/11/2016
- Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2015-2016
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 0021/HDTĐ2 – VIB880/16 ngày 10/11/2016, cụ thể:

- Hạn mức vay : 200.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này
- Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

32.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương
theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/83406/HĐTD ngày 22/06/2017, cụ thể:

- Hạn mức vay : 800.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : Theo từng hợp đồng vay
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.8 Vay dài hạn đến hạn trả

Khoản vay đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
(Xem Thuyết minh V.38)

33. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

| | Số đầu năm | Trích lập từ lợi nhuận | Tăng khác | Chi trong năm | Số cuối năm |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Quỹ khen thưởng | 23.723.547.139 | 9.859.117.610 | | 16.045.500.000 | 17.537.164.749 |
| - Quỹ phúc lợi | 5.240.784.098 | 6.000.000.000 | 1.000.000 | 5.486.591.368 | 5.755.192.730 |
| - Quỹ khen thưởng Ban Điều hành | 1.597.780.248 | 322.625.000 | | 1.564.600.000 | 355.805.248 |
| Cộng | 30.562.111.485 | 16.181.742.610 | 1.000.000 | 23.096.691.368 | 23.648.162.727 |

34. Quỹ bình ổn giá

Tình hình tăng, giảm Quỹ bình ổn giá xăng dầu trong năm như sau:

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | Trích trong năm | Sử dụng trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| - Quỹ bình ổn giá | 83.429.480.426 | 163.431.202.800 | 90.359.438.456 | 156.501.244.770 |
| - Lãi quỹ bình ổn giá | 1.834.099.420 | 1.133.207.036 | - | 2.967.306.456 |
| Cộng | 85.263.579.846 | 164.564.409.836 | 90.359.438.456 | 159.468.551.226 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

35. Người mua trả tiền trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|-----------------------|
| - Công ty TNHH Địa ốc Ngôi Nhà Thân Yêu | - | 33.249.854.607 |
| - Các đối tượng khác | - | 590.529.120 |
| Cộng | - | 33.840.383.727 |

36. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Số tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động cho thuê hạ tầng Khu công nghiệp, cho thuê văn phòng:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Số đầu năm | 403.084.873.219 | 292.405.617.599 |
| - Tăng trong năm | 24.366.666.666 | 123.456.366.666 |
| - Doanh thu đã thực hiện trong năm | (15.901.441.236) | (12.777.111.046) |
| - Số cuối năm | 411.550.098.649 | 403.084.873.219 |

37. Phải trả dài hạn khác

| | | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 26.600.589.000 | 25.147.831.320 |
| - Công ty CP Giang Nam Logistics (*) | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Cộng | 76.600.589.000 | 75.147.831.320 |

(*) Khoản tiền nhận hợp tác đầu với Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐ-GNL-2015 ngày 23/5/2015.

38. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| - Số đầu năm | 211.218.500.000 | 252.562.500.000 |
| - Vay trong năm | 37.000.000.000 | 58.000.000.000 |
| - Chuyển sang nợ vay dài hạn đến hạn trả | (115.784.000.000) | (99.344.000.000) |
| - Số cuối năm | 132.434.500.000 | 211.218.500.000 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo các Hợp đồng sau:

38.1 Hợp đồng vay số 14490121/2014/HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LE ngày 23 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Dùng để thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư kho cảng thủy nội địa An Sơn (bao gồm cả cho vay để bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ

- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn gồm: công trình bến, kè, kho, bãi, cầu cảng, công trình kỹ thuật, giao thông, cây xanh, công trình hành chính - dịch vụ - phụ trợ,... thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn theo Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 14.49.0123/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014. Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, các bên thống nhất tạm định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 432.575.000.000 Đồng

Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản dưới đây:

- + Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn
- + Các quyền và lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên, bao gồm cả quyền nhận tiền bảo hiểm
- + Tất cả các quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác liên quan đến các tài sản nêu trên

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp động sản số 14.49.0127/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014, các bên thống nhất định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 60.000.000.000 Đồng

- Số dư 31/12/2017 : 98.500.000.000 Đồng

Trong đó

- Vay dài hạn : 49.250.000.000 Đồng
- Nợ đến hạn trả : 49.250.000.000 Đồng

003
TNHH
DÂN
M VII
ANH
PH
TINH
CH

38.2 Hợp đồng vay số 15.49.0012/2015-HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 16 tháng 03 năm 2015, cụ thể:

- Hạn mức vay : **224.000.000.000 Đồng**
- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Cho vay thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK102-Nhà Bè giai đoạn 1 (bao gồm cả cho vay bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
- Lãi suất : Xác định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè gồm: hạ tầng kỹ thuật (đường nội bộ, bãi đậu xe, hệ thống tường kè và hệ thống tuyến ống công nghệ), cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà kho (nhà kho, nhà điều hành cấp phát, hệ thống bảo vệ, hệ thống ngăn đê chống tràn dầu, trạm xử lý nước nhiễm dầu, hệ thống trang thiết bị phục vụ xuất nhập tồn trữ xăng dầu), hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, điện, cổng, hàng rào, thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè theo Quyết định số 2212/QĐ-BTL ngày 12/12/2013 của Bộ tư lệnh Quân khu 7. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 15.49.0032/TC ngày 16/3/2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 96.443.000.000 VND

Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư mở rộng Kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè giai đoạn 1 (hệ thống bồn chứa, đường ống công nghệ, máy móc thiết bị các loại,...). Các quyền, lợi ích của Bên B phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15.49.0033/TC ngày 16 tháng 03 năm 2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 185.135.000.000 VND

- Số dư 31/12/2017 : **149.718.500.000 Đồng**

Trong đó

- Vay dài hạn : **83.184.500.000 Đồng**
- Nợ đến hạn trả : **66.534.000.000 Đồng**



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

39. Vốn chủ sở hữu

| A | Năm trước | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
|----------|-----------------------------------|--------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|
| 39.1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 1.701.266.591.663 | - | - | 1.701.266.591.663 |
| 39.2 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | 11.438.799.822 | 11.438.799.822 | - |
| 39.3 | Quỹ đầu tư phát triển | - | 29.816.550.572 | - | 29.816.550.572 |
| 39.4 | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | - | 201.269.239.656 | - | 201.269.239.656 |
| 39.5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | - | 84.530.924.335 | 84.530.924.335 | - |
| | Cộng | 1.701.266.591.663 | 327.055.514.385 | 95.969.724.157 | 1.932.352.381.891 |
| B | Năm nay | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
| 39.1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 1.701.266.591.663 | 15.877.408.337 | - | 1.717.144.000.000 |
| 39.2 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | 1.554.822.374 | 1.554.822.374 | - |
| 39.3 | Quỹ đầu tư phát triển | 29.816.550.572 | 21.530.915.056 | 15.877.408.337 | 35.470.057.291 |
| 39.4 | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 201.269.239.656 | - | - | 201.269.239.656 |
| 39.5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | - | 71.769.716.854 | 71.769.716.854 | - |
| | Cộng | 1.932.352.381.891 | 110.732.862.621 | 89.201.947.565 | 1.953.883.296.947 |

39.1 Vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 11 tháng 11 năm 2015, Vốn điều lệ đăng ký là **1.717.144.000.000** Đồng.

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| - Số đầu năm | 1.701.266.591.663 | 1.701.266.591.663 |
| - Bổ sung từ Quỹ Đầu tư phát triển | 15.877.408.337 | - |
| Số cuối năm | 1.717.144.000.000 | 1.701.266.591.663 |



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

39.3 Quỹ Đầu tư phát triển

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Số đầu năm | 29.816.550.572 | - |
| - Bổ sung từ lợi nhuận năm trước | - | 4.457.273.272 |
| - Bổ sung từ lợi nhuận năm nay | 21.530.915.056 | 25.359.277.300 |
| - Chuyển sang tăng vốn chủ sở hữu | (15.877.408.337) | - |
| - Số cuối năm | 35.470.057.291 | 29.816.550.572 |

39.4 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

Khoản tiền thu được do bán cổ phần tại các công ty con thực hiện cổ phần hóa và nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty như sau:

| | | |
|--|------------------------|------------------------|
| - Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | 175.682.689.150 | 175.682.689.150 |
| - Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương | 25.586.550.506 | 25.586.550.506 |
| Cộng | 201.269.239.656 | 201.269.239.656 |

39.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế được Tổng Công ty phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------|------------------|
| - LN năm trước chưa PP chuyển năm nay | - | - |
| - Lợi nhuận sau thuế năm nay | 71.769.716.854 | 84.530.924.335 |
| - Phân phối lợi nhuận năm nay | (71.769.716.854) | (84.530.924.335) |
| + Trích Quỹ Đầu tư phát triển | (21.530.915.056) | (25.359.277.300) |
| + Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi | (15.859.117.610) | (15.886.188.312) |
| + Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành | (322.625.000) | (322.625.000) |
| + Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách Nhà nước | (34.057.059.188) | (42.962.833.723) |
| LN chưa PP lũy kế chuyển năm sau | - | - |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: VND

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|--------------------------|
| 40. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 7.706.071.941.739 | 6.510.723.037.079 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 66.979.069.133 | 57.033.628.647 |
| - Doanh thu kinh doanh BĐS | 52.288.721.708 | 113.767.390.724 |
| Cộng | 7.825.339.732.580 | 6.681.524.056.450 |
| 41. Giá vốn hàng bán | | |
| - Giá vốn của hàng hóa đã bán | 7.440.890.056.013 | 6.289.348.890.450 |
| - Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 25.081.020.611 | 21.802.161.950 |
| - Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư | 37.811.313.800 | 83.615.884.781 |
| Cộng | 7.503.782.390.424 | 6.394.766.937.181 |
| 42. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 71.185.643.679 | 32.620.967.840 |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 35.055.424.986 | 135.537.195.157 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá | 8.496.911.825 | 12.793.448.419 |
| - Doanh thu hoạt động tài chính khác | 24.000.000.000 | - |
| Cộng | 138.737.980.490 | 180.951.611.416 |
| 43. Chi phí tài chính | | |
| - Lãi tiền vay | 103.579.651.452 | 83.921.148.463 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá | 4.776.720.351 | 12.406.464.623 |
| - Chi phí tài chính khác | 676.500.000 | - |
| Cộng | 109.032.871.803 | 96.327.613.086 |



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

44. Chi phí bán hàng

| | | |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Chi phí nhân viên bán hàng | 50.379.488.716 | 53.111.937.842 |
| - Chi phí vật liệu, bao bì | 2.452.938.856 | 2.060.900.852 |
| - Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 3.126.773.606 | 4.111.816.783 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 21.441.642.449 | 9.570.231.620 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 52.175.065.035 | 48.834.793.934 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 80.884.309.498 | 112.090.077.393 |
| Cộng | 210.460.218.160 | 229.779.758.424 |

45. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | | |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nhân viên quản lý | 26.813.711.443 | 21.635.986.314 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 743.427.406 | 539.923.544 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 272.052.500 | 1.373.793.032 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 5.510.662.824 | 5.520.105.158 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.692.254.281 | 8.812.465.764 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 15.322.463.303 | 14.175.569.106 |
| Cộng | 56.354.571.757 | 52.057.842.918 |

46. Thu nhập khác

| | | |
|---|----------------------|----------------------|
| - Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ | 36.363.636 | 2.522.727.272 |
| - Thu tiền điện, nước khách thuê | 338.774.634 | 318.800.017 |
| - Phí tàu già, phí lưu tàu, thu hoàn phí BH | 420.875.000 | 1.506.745.112 |
| - Thu nhập khác | 894.381.450 | 632.442.560 |
| Cộng | 1.690.394.720 | 4.980.714.961 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

47. Chi phí khác

| | | |
|----------------------------|--------------------|----------------------|
| - Chi phí thanh lý TSCĐ | 42.037.500 | 2.491.465.536 |
| - Phí tàu già, phí lưu tàu | - | 1.421.193.171 |
| - Các khoản tiền phạt | - | 1.484.587.091 |
| - Chi phí khác | 671.347.860 | 604.732.688 |
| Cộng | 713.385.360 | 6.001.978.486 |

48. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

| | | |
|--|-----------------------|-------------------------|
| - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 85.424.670.286 | 88.522.252.732 |
| - Cộng (+) Chi phí không được trừ | 17.905.521.860 | 3.188.660.966 |
| - Trừ (-) thu nhập không chịu thuế | 35.055.424.986 | 135.537.195.157 |
| - Chuyển lỗ của các năm trước | - | - |
| - Tổng thu nhập chịu thuế | 68.274.767.160 | (43.826.281.459) |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| + Thu nhập từ hoạt động kinh doanh BĐS | (10.509.347.163) | 19.956.641.985 |
| + Thu nhập từ hoạt động SXKD | 78.784.114.323 | (63.782.923.444) |
| - Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| - Thuế TNDN theo thuế suất | 13.654.953.432 | 3.991.328.397 |
| - Thuế TNDN tạm tính theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu ứng trước theo tiến độ Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản | (338.403.837) | 338.403.837 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | - | - |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành | 13.316.549.595 | 4.329.732.234 |

49. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn nhập khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại xác định theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu ứng trước theo tiến độ của khách hàng mua Bất động sản.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về cổ phần hóa

Tổng Công ty đã thực hiện thành công cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà Nước. Kỳ kế toán này là kỳ kế toán cuối cùng của Tổng Công ty dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên

Từ ngày 01/01/2018, Tổng Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.

2. Thông tin về các bên liên quan

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|-----------------------------|
| - Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ | Công ty con |
| - Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương | Công ty con |
| - Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương | Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương | Công ty con |
| - Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương | Công ty con |
| - Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương | Công ty liên doanh liên kết |

32038
CÔNG
KIẾN
IÂN T
- CHI N
AI THÁ
IỐ CH
- T.P.H

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Giao dịch với các bên liên quan:

| Bên liên quan Các giao dịch | Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương | Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương | Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương | Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương | Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ | Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương |
|--|--|---|--|--|--|---|
| * Nợ phải thu khách hàng | | | | | | |
| - Số đầu năm | 2.371.292.910 | | | | 9.394.090 | (40.562.000) |
| - Tăng trong năm | 24.872.299.897 | 330.267.105.677 | | | 124.793.600 | 63.547.569.000 |
| - Giảm trong năm | 22.485.601.510 | 143.877.888.301 | | | 134.187.690 | 60.000.675.000 |
| - Số cuối năm | 4.757.991.297 | 186.389.217.376 | - | - | - | 3.506.332.000 |
| * Phải thu lãi cổ tức và tiền bán cổ phần | | | | | | |
| - Số đầu năm | 2.542.972.622 | 1.600.000.000 | | 9.172.427.607 | 115.095.000 | 152.275.169.971 |
| - Tăng trong năm | 7.870.143.576 | 2.338.107.698 | | | 460.380.000 | 22.923.834.169 |
| - Giảm trong năm | 7.682.128.245 | 1.585.678.039 | | 9.172.427.607 | 230.190.000 | 175.161.117.019 |
| - Số cuối năm | 2.730.987.953 | 2.352.429.659 | - | - | 345.285.000 | 37.887.121 |
| * Nợ phải trả người bán | | | | | | |
| - Số đầu năm | 2.458.172.691 | (235.416.571.087) | | | 13.736.000 | |
| - Tăng trong năm | 67.302.542.700 | 1.282.741.440.737 | 609.520.000 | | 294.432.816 | |
| - Giảm trong năm | 55.133.950.537 | 1.047.324.869.650 | | | 308.168.816 | |
| - Số cuối năm | 14.626.764.854 | - | 609.520.000 | - | - | - |



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

3. Thông tin so sánh

Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố lại số liệu đầu năm 2017 theo:

- ❖ Biên bản Kiểm toán Chuyên đề việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu và công tác quản lý điều hành giá xăng dầu giai đoạn 2015-2016 ngày 13 tháng 5 năm 2017 của Kiểm toán Nhà Nước chuyên ngành VI.
- ❖ Thông báo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Kiểm toán Nhà Nước Khu vực IV ngày 12 tháng 10 năm 2017.
- ❖ Chi tiết các khoản mục điều chỉnh như sau:

| - | Chỉ tiêu | Mã số | Trước điều chỉnh | Sau điều chỉnh | Tăng (giảm) sau điều chỉnh |
|-----------------------------|--|------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | | | |
| A. | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 3.831.564.032.997 | 3.856.483.076.211 | 24.919.043.214 |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 1.557.230.396.878 | 1.588.584.810.539 | 31.354.413.661 |
| 1 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 818.243.105.244 | 836.055.005.854 | 17.811.900.610 |
| 3 | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 253.599.234.486 | 267.141.747.537 | 13.542.513.051 |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | 1.346.090.875.112 | 1.340.346.703.219 | (5.744.171.893) |
| 1 | Hàng tồn kho | 141 | 1.346.090.875.112 | 1.340.346.703.219 | (5.744.171.893) |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 5.588.088.679 | 4.896.890.125 | (691.198.554) |
| 3 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 3.162.460.764 | 2.471.262.210 | (691.198.554) |
| B. | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 2.231.067.404.286 | 2.231.579.012.914 | 511.608.628 |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | 11.776.738.118 | 12.288.346.746 | 511.608.628 |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11.438.334.281 | 11.949.942.909 | 511.608.628 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 6.062.631.437.283 | 6.088.062.089.125 | 25.430.651.842 |
| C. | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 4.133.236.755.562 | 4.155.709.707.234 | 22.472.951.672 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | 3.409.945.167.296 | 3.432.418.118.968 | 22.472.951.672 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 144.809.395.759 | 169.259.864.324 | 24.450.468.565 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 21.486.994.866 | 19.509.477.973 | (1.977.516.893) |
| D. | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 1.929.394.681.721 | 1.932.352.381.891 | 2.957.700.170 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 410 | 1.929.394.681.721 | 1.932.352.381.891 | 2.957.700.170 |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 26.858.850.402 | 29.816.550.572 | 2.957.700.170 |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 6.062.631.437.283 | 6.088.062.089.125 | 25.430.651.842 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | | | | | |
|----|---|----|-------------------|-------------------|-----------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.624.177.048.741 | 6.681.524.056.450 | 57.347.007.709 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 6.624.177.048.741 | 6.681.524.056.450 | 57.347.007.709 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | 6.366.110.282.919 | 6.394.766.937.181 | 28.656.654.262 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 258.066.765.822 | 286.757.119.269 | 28.690.353.447 |
| 8 | Chi phí bán hàng | 25 | 196.782.026.525 | 229.779.758.424 | 32.997.731.899 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 93.850.894.709 | 89.543.516.257 | (4.307.378.452) |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 92.829.631.184 | 88.522.252.732 | (4.307.378.452) |
| 15 | Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 3.638.533.680 | 4.329.732.234 | 691.198.554 |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp | 60 | 89.529.501.341 | 84.530.924.335 | (4.998.577.006) |

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2017

Các Thông tư, văn bản luật có hiệu lực trong năm 2017 sau đây:

- Thông tư số 31/2017/TT-BTC ngày 18/04/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 26/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng
- Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Thông tư số 41/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.
- Thông tư 20/2017/TT-BTC ngày 06/03/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Thông tư 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính)



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

- Thông tư số 06/2017/TT-BTC ngày 20/01/2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34a Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế (đã được bổ sung tại Khoản 10 Điều 2 Thông tư 26/2015/TT-BTC)

- Luật kế toán

Ngày 20/11/2015, Quốc hội đã thông qua Luật số 88/2015/QH13 - Luật Kế toán (sửa đổi) có hiệu lực từ 01/01/2017 thay thế Luật kế toán số 03/2003/QH11.

Luật này quy định về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và tổ chức nghề nghiệp về kế toán.

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Hà Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Băng Trang

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Quang

